

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 167 | Ngày: 19/03/2026 21:51

## Thông tin ca làm việc

Người tạo: Lâm Tấn Ngọc

Doanh thu: 2.729.000 đ

Tiền mặt: 198.600 đ

Chuyển khoản Tingbox: 773.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

Doanh thu cả ngày: 5.126.500 đ

Tiền mặt cả ngày: 1.917.600 đ

Chuyển khoản cả ngày: 1.451.500 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 0 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên           | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Bánh Orio     | 12.00 Cái    | 0.08 Cây    | 0.00 Cây        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2   | Bột Cacao     | 383.00 gram  | 0.23 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3   | Bột Đá Xay    | 518.00 gram  | 0.48 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4   | Bột Milk Foam | 468.00 gram  | 0.53 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5   | Bơ Đậu Phộng  | 237.00 gram  | 0.00 hủ     | 0.00 hủ         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6   | Cà Phê        | 1000.00 gram | 1.00 túi    | 1.00 túi        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                  | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 7   | Đào Ngâm             | 510.00 gram | 0.38 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8   | Syrup Đường Đen      | 767.00 ml   | 0.19 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 9   | Hồng Trà             | 13.00 gram  | 0.98 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10  | Soda                 | 9.00 lon    | 3.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11  | Syrup Bạc Hà         | 535.00 ml   | 0.04 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12  | Syrup Lựu Đỏ         | 153.00 ml   | 0.78 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13  | Mứt Chanh Dây        | 483.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14  | Mứt Kiwi             | 782.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15  | Mứt Mãng Cầu         | 312.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16  | Mứt Việt Quất        | 1043.00 ml  | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17  | Mứt Xoài             | 443.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18  | Sữa Tươi Không Đường | 170.00 ml   | 2.83 Hộp    | 1.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19  | Syrup Curacao        | 1040.00 ml  | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20  | Syrup Đào            | 591.00 ml   | 0.41 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                         | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|-----------------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 21  | Trà Ô Long                  | 40.00 gram   | 0.93 Gói    | 4.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22  | Trà Ô Long Đào              | 108.00 gram  | 0.82 Gói    | 4.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 23  | Sốt Matcha                  | 382.00 ml    | 0.39 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24  | Sốt Caramel                 | 108.00 ml    | 0.83 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25  | Sốt Chocolate               | 580.00 ml    | 0.08 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26  | Syrup Táo                   | 720.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27  | Bột Kem Muối                | 314.00 ml    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28  | Bánh Tuối Thơ Vị Dừa - Tròn | 46.00 Hộp    | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29  | Bánh Tuối Thơ Vị Dừa - Dài  | 5.00 Hộp     | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30  | Bia Heineken bạc            | 11.00 Lon    | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31  | Bia Heineken xanh           | 24.00 Lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32  | Cam                         | 1872.00 gram | 1.13 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33  | Cà Rốt                      | 9232.00 gram | 0.00 Kg     | 0.90 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34  | Chanh Vàng                  | 270.00 gram  | 0.00 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                       | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 35  | Dưa Hấu                   | 2127.00     | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36  | Pepsi                     | 28.00 lon   | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 37  | Trà dưỡng tâm             | 9.00 Gói    | 1.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38  | Trà dưỡng nhan            | 8.00 Gói    | 2.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39  | Vải Ngâm                  | 6.00 Trái   | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40  | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 1.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41  | Hướng Dương               | 48.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42  | Bánh Sữa Lớn              | 33.00 Bịch  | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43  | Bột Matcha                | 384.00 gram | 0.23 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44  | Trà lài                   | 95.00 Gram  | 0.00 Gói    | 6.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....